

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HC-ST

Ngày: 27/5/2021

*“V/v Khiếu kiện Quyết định
giải quyết khiếu nại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Duy Ước

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Anh Tuấn và ông Trần Văn Sinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/5/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2020/TLST-HC ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HC ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L.

ĐKKHKT: Tổ 19B, khu 3, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Số 19, tổ 10, khu 5, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đoàn Công T

ĐKKHKT: Tổ 19B, khu 3, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Số 19, tổ 10, khu 5, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số 219, Nguyễn Văn Cừ, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Tường H - Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đỗ Tuấn N - Công ty Luật K - Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số 2 Bến Đoan, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Quốc H – Phó trưởng Phòng Tài nguyên

và môi trường. Có mặt tại phiên toà.

3.2. Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn B - Công chức địa chính. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Đoàn Công T.

ĐKKHKT: Tổ 19B, khu 3, phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Số 19, tổ 10, khu 5, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2020, Đơn khởi kiện bổ sung và tại bản tự khai, biên bản đối thoại, tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện trình bày có nội dung sau:

Năm 1987, ông Đoàn Công T và bà Nguyễn Thị L khai phá diện tích đất 695,8m² (Năm 1988 được cấp giấy phép xây dựng) tại tổ 19, khu 3, phường K, thành phố H, thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ 37 và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức công nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 126m² đất ở và 569,8m² đất trồng cây lâu năm: 50 năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN: 830154, sổ vào sổ: H36865 ngày 07/10/2008 của UBND thành phố H, đứng tên ông T và bà L.

Năm 2008, ông T và bà L không có nhu cầu sử dụng toàn bộ diện tích đất nên đã tách thửa đất thành 08 ô đất (Từ ô 41A đến ô 41H) và chuyển nhượng cho 07 hộ khác từ ô 41B đến 41H, đã được cấp giấy chứng nhận cho từng hộ vào năm 2009. Còn lại ô 41A có diện tích 195m², trong đó 126m² đất ở và 69m² đất trồng cây lâu năm, ông T và bà L tiếp tục sử dụng và được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 441045, sổ vào sổ: H39301 ngày 20/4/2009. Đến năm 2014, hộ ông T đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích nhà đất trên cho anh Phạm Mạnh H và chuyển về ở với con trai là Đoàn Tất T tại phường Y, thành phố H.

Ngoài diện tích đất trên thì năm 1987, hộ ông T còn sử dụng 205,9m² thuộc một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ 37, tại tổ 19B, khu 3, phường K, thành phố H để trồng trọt. Đất có nguồn gốc do ngành điện quản lý từ năm 1980 (là trạm điện 110KV Giáp Khẩu). Năm 1995, UBND tỉnh giao đất xây dựng E52 thì diện tích đất ông T sử dụng nằm dưới đường dây điện và là hành lang đường điện. Đến năm 2004 thì đường điện bị tháo dỡ chuyển đi nơi khác và hộ ông T vẫn tiếp tục sử dụng đất.

Ngày 22/9/2017, bà L có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích sử dụng đất ở, và nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định, chính sách hiện hành. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà L đã được xem xét và ngày

22/11/2017 Chi cục thuế thành phố H thông báo nộp tiền sử dụng đất số tiền 339.735.000đ. Ngày 27/12/2017, UBND phường K lập biên bản họp xét duyệt đối tượng đề nghị giao đất, miễn, giảm tiền sử dụng đất. Ngày 24/01/2018, bà L có đơn xin giảm tiền sử dụng đất nhưng đến ngày 16/10/2018, bà L lại có đơn xin được nợ tiền sử dụng đất. Ngày 30/11/2018, UBND thành phố H có văn bản số 10221/UBND cho phép bà L được ghi nợ tiền sử dụng đất 339.735.000đ. Ngày 17/01/2019, UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 227845, số vào sổ: CH28187 đứng tên ông Đoàn Công T và bà Nguyễn Thị L, trong đó có nội dung “Nợ tiền sử dụng đất: 339.735.000đ...”.

Ngày 18/01/2019, ông Đoàn Công T được anh Đoàn Tất T và chị Vũ Lan A tặng cho quyền sử dụng đất ở 105m², thuộc ô đất 21 Lô N QH chi tiết khu tự xây và tái định cư phường K, thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 012039, số vào sổ CH 01523 ngày 04/02/2013 của UBND thành phố H cấp cho anh Đoàn Tất T và chị Vũ Lan A.

Ngày 08/4/2019, Hội đồng xét cấp đất làm nhà ở: Miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng và hộ nghèo của UBND thành phố H có nội dung xác định bà Nguyễn Thị L thuộc đối tượng là thân nhân liệt sỹ (Liệt sỹ Nguyễn Văn R), và xác định hộ bà L ngoài thửa đất đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 82/37/BĐĐC thì bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 41A/37/BĐĐC thuộc tổ 19, khu 3, phường K, diện tích 195m² (126m² đất ở; đất trồng cây lâu năm 69m²), đã cấp hết hạn mức đất ở (Hạn mức đất ở vị trí cấp giấy chứng nhận 120m²). Do đó, bà L không thuộc trường hợp khó khăn không thể tạo lập được nhà ở, không xem xét miễn giảm tiền sử dụng đất cho bà L.

Ngày 13/5/2019, ông T lập hợp đồng tặng cho chị Đoàn Thu H 105m² đất ở thuộc ô đất 21 Lô N QH chi tiết khu tự xây và tái định cư phường K, thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 012039, số vào sổ CH 01523 ngày 04/2/2013 của UBND thành phố H cấp cho anh Đoàn Tất T và chị Vũ Lan A và được làm thủ tục sang tên chị H ngày 12/6/2019.

Không đồng ý với việc UBND thành phố H không miễn giảm tiền sử dụng đất cho hộ ông T và bà L, nên bà L đã khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6875/QĐ - UBND ngày 27/8/2019 có nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà L. Bà L tiếp tục khiếu nại lần 2 và ngày 27/7/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 2561/QĐ – UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L và có nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị L và đồng ý với Quyết định 6875/QĐ – UBND ngày 27/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Do không được chấp nhận nội dung khiếu nại nên bà Nguyễn Thị L đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2561/QĐ – UBND ngày 27/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, trú tại tổ 19B, khu 3, phường K, thành phố H (Lần hai).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, người khởi kiện cung cấp chứng cứ gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định giải quyết khiếu nại, Biên bản xét duyệt đối tượng đề nghị giao đất, miễn giảm tiền sử dụng đất, giấy tờ về người có công với cách mạng... và cho rằng bà L là con liệt sỹ thuộc đối tượng người có công với cách mạng, theo quy định được giảm tiền sử dụng đất vì trước đây bà có nhà đất nhưng vì khó khăn đã chuyển nhượng cho người khác, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận năm 2017 thời điểm này bà không có nhà ở, đất ở.

Người bị kiện trình bày nội dung:

- Bà Nguyễn Thị L là con gái liệt sỹ Nguyễn Văn R và được hưởng chế độ thờ cúng liệt sỹ.

- Về nguồn gốc và quá trình xin giảm tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 82 tờ BĐDC số 37, phường K:

Tháng 9/2017 bà Nguyễn Thị L nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 82/37/BĐDC diện tích 206m². Đất có nguồn gốc do Trạm điện 110KV Giáp Khẩu được giao quản lý từ năm 1980. Năm 1987 gia đình bà L sử dụng để trồng gia trồng trọt. Năm 1995 UBND tỉnh quy hoạch khu tự xây Trạm điện E52 phường K thì phần diện tích đất gia đình bà L trồng trọt là diện tích đường dây chiếm dụng vào hành lang đường điện. Đến năm 2004 đường điện này tháo dỡ và di chuyển đến vị trí khác, gia đình bà L vẫn quản lý và trồng trọt đến nay.

Ngày 22/11/2017 Chi cục Thuế thành phố H có Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1722501-TK0005362/TB-CCT, trong đó số tiền sử dụng đất hộ bà L phải nộp là 339.735.000 đồng. Bà L có đơn xét duyệt miễn giảm tiền sử dụng đất theo chính sách người có công với cách mạng.

Ngày 28/12/2017, UBND phường K có văn bản số 392/UBND đề nghị xét miễn giảm tiền sử dụng đất đối với gia đình bà L.

Ngày 30/11/2018, UBND thành phố H có văn bản số 10221/UBND với nội dung: “Cho phép hộ bà Nguyễn Thị L được ghi nợ số tiền sử dụng đất là 339.735.000 đồng”. Ngày 17/01/2019 gia đình bà L được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận số CH2B187.

Ngày 18/6/2019, UBND thành phố H có Văn bản số 4371/UBND trả lời bà Nguyễn Thị L về việc bà không đủ điều kiện được miễn giảm tiền sử dụng đất.

- Về quản lý, sử dụng nhà ở, đất ở các thửa đất khác:

+ Thửa đất số 41, tờ BĐDC số 37, phường K: Ông, bà Nguyễn Thị L-Đoàn Công T được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H39301 ngày 20/4/2009, diện tích 195m² (đất ở 126m², đất TCLN 69m²). Nguồn gốc thửa đất 41A/37/BĐDC do gia đình bà tôn tạo lần biên năm 1987; năm 1988 được phòng Quản lý đô thị thị xã G cấp giấy phép xây dựng. Ngày 29/12/2014 gia đình bà đã chuyển nhượng cho ông Phạm Mạnh H.

+ Ô đất số 21 lô N diện tích 105m² Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu tự xây và tái định cư cho các dự án phía Đông thành phố H tại phường K, thành phố H là của con trai bà L (là Đoàn Tất T) được thành phố giao đất với giá 340 triệu đồng (thể hiện tại Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 13/7/2012).

Ngày 18/01/2019 anh Đoàn Tất T và vợ là Vũ Lan A chuyển quyền sử dụng đất sang tên chồng bà (là ông Đoàn Công T). Sau đó ngày 13/5/2019, ông T tặng cho lại con gái là Đoàn Thu H.

Như vậy, trong quá trình quản lý và sử dụng, ông, bà Nguyễn Thị L- Đoàn Công T đã thực hiện chuyển nhượng thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 37 phường K; Nhận chuyển quyền sử dụng đất của con trai và tặng cho lại con gái đối với ô đất số 21 lô N diện tích 105m² Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu tự xây và tái định cư (cho các dự án phía đông thành phố H) phường K. Hiện nay, ông, bà L, T không còn quyền quản lý, sử dụng đối với 02 thửa đất trên.

- Ngày 06/11/2019 Thanh tra tỉnh (đơn vị được giao xác minh) đã chủ trì tổ chức buổi làm việc với liên ngành gồm: Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Lao động, Thương binh và xã hội, Sở Tài chính và UBND thành phố H đã thống nhất nội dung: Với diễn biến về quá trình sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị L được nêu ở trên thì hộ bà L không thuộc trường hợp khó khăn về chỗ ở.

Ngày 19/12/2019 UBND tỉnh có văn bản số 9221/UBND-TD về việc chỉ đạo giải quyết một số vụ việc khiếu nại có nội dung: “Việc xem xét giải quyết các vụ việc liên quan đến miễn giảm tiền sử dụng đất đối với các đối tượng là người có công phải đảm bảo đúng đối tượng, đủ điều kiện và công bằng...”.

- Kiểm tra, xem xét Quyết định số 6875/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, trú tại tổ 19B, khu 3, phường K, TP H” nhận thấy:

+ Tại mục 5 dòng 4 trang 4 của Quyết định số 6875/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 ghi “bà Nguyễn Thị L là đối tượng người hoạt động cách mạng, nhiễm chất độc hóa học...” là không đúng vì bà Nguyễn Thị L là thân nhân liệt sỹ.

+ Tại Điều 1 trang 5 có ghi “Lý do: Bà Nguyễn Thị L không đủ điều kiện được xét giao đất làm nhà ở...” là không chính xác vì gia đình bà không đề nghị xét giao đất làm nhà ở.

- Căn cứ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: “1. Quyết định này quy định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng hoặc thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh khi mua nhà ở thuộc sở hữu của nhà nước; được Nhà nước giao đất ở; được phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang đất ở, được công nhận quyền sử dụng đất đối với đất ở”.

Trường hợp bà Nguyễn Thị L thuộc đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Quảng Ninh được ban hành căn cứ theo các Quyết định 118-TTg ngày 27/2/1996, Quyết định 117-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 118-TTg ngày 27/2/1996 về hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở.

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Quyết định 118-TTg ngày 27/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “2. *Việc hỗ trợ người có công với Cách mạng cải thiện nhà ở phải bảo đảm các nguyên tắc sau:*

Phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước;

Căn cứ vào công lao và hoàn cảnh cụ thể của từng người, điều kiện và khả năng của địa phương;

Không hỗ trợ đồng loạt hoặc bình quân cho tất cả các đối tượng”.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 2, Quyết định 118-TTg ngày 27/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “a) *Người có công với Cách mạng có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt không thể tạo lập được nhà ở mà chưa được thuê nhà của Nhà nước hoặc bị mất nhà do thiên tai, hoả hoạn... thì tùy theo điều kiện của địa phương, hoàn cảnh và công lao của từng người được xét tặng "Nhà tình nghĩa", được giao đất làm nhà ở, hoặc được mua nhà trả góp.”*

Quyết định 23/2017/QĐ-UBND ngày 23/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành quy định về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở Quyết định 118-TTg ngày 27/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa quy định cụ thể về điều kiện áp dụng được quy định trong Quyết định 118-TTg ngày 27/2/1996.

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 Quyết định 23/2017/QĐ-UBND ngày 23/12/2017: “1. *Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tổ chức xét duyệt và ra quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân ...”.*

Như vậy, đối với trường hợp hộ bà L, Hội đồng xét cấp đất làm nhà ở, xét miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng và hộ nghèo của thành phố H đã kết luận hộ bà L không thuộc trường hợp khó khăn không thể tạo lập được nhà ở. Do đó, việc UBND thành phố H căn cứ cụ thể vào các quy định tại Quyết định 118-TTg ngày 27/2/1996 và không xét hỗ trợ giảm tiền sử dụng đất đối với hộ bà Nguyễn Thị L là có cơ sở.

Trên cơ sở hồ sơ tài liệu đã được xác minh và căn cứ theo quy định pháp luật nêu trên Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) đối với bà Nguyễn Thị L tại Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, với nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị L về việc đề nghị được xét miễn giảm tiền sử dụng đất đối với người có công khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 82, tờ BĐDC số 37, phường K, thành phố H.

Như vậy, Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền,

đúng nội dung, đảm bảo quyền lợi của bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chủ tịch và UBND thành phố H, UBND phường K trình bày thống nhất như người bị kiện và không có yêu cầu độc lập.

Ông Đoàn Công T trình bày thống nhất như người khởi kiện và không có yêu cầu độc lập.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức đối thoại và công khai chứng cứ giữa các đương sự nhưng không tiến hành đối thoại được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện của người khởi kiện giữ nguyên nội dung trình bày như trên và trình bày: ông T và bà L không khó khăn trong việc tạo lập chỗ ở nhưng việc khởi kiện là để yêu cầu giải quyết chính sách theo quy định của pháp luật mà ông bà đương nhiên được hưởng theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên và xác định hộ bà L không thuộc trường hợp khó khăn không thể tạo lập được nhà ở nên không đủ điều kiện được giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

Người đại diện theo uỷ quyền của UBND và Chủ tịch UBND thành phố H trình bày thống nhất như người bị kiện và cho rằng hộ bà L trước đây đã được công nhận đủ hạn mức đất ở và không thuộc trường hợp khó khăn trong việc tạo lập nhà ở nên không đủ điều kiện được giảm tiền sử dụng đất.

UBND phường K trình bày thống nhất như người bị kiện.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Phần tranh luận các đương sự trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng không nêu ý kiến tranh luận và đối đáp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được đảm bảo theo quy định của pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục thụ lý*: Ngày 17/01/2019, UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 227845, số vào sổ: CH28187 đứng tên ông Đoàn Công T và bà Nguyễn Thị L, trong đó có nội dung “Nợ tiền sử dụng đất: 339.735.000đ...”, nhưng bà Nguyễn Thị L khiếu nại về việc không được giảm tiền sử dụng đất. Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6875/QĐ - UBND ngày 27/8/2019 có nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà L. Bà L tiếp tục khiếu nại lần 2 và ngày 27/7/2020, Chủ tịch

UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 2561/QĐ - UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L và có nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị L và đồng ý với Quyết định 6875/QĐ - UBND ngày 27/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H. Bà L không đồng ý nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai nên có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai. Quyết định bị kiện là quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại khoản 14 Điều 22 Luật Đất đai và thuộc khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính nên thuộc đối kiện khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền của Tòa án và còn trong thời hiệu khởi kiện nên được Tòa án thụ lý là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2561/QĐ – UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh.

[2.1] Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung:

Về hình thức và căn cứ: Quyết định số 2561/QĐ - UBND được ban hành theo đúng thể thức văn bản, các căn cứ pháp lý áp dụng để ban hành đều là những văn bản pháp luật hiện đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ công nhận quyền sử dụng đất: Diện tích đất 206m² bà Nguyễn Thị L sử dụng thuộc thửa đất số 82/37/BĐDC có nguồn gốc do trạm điện 110KV Giáp Khẩu được giao quản lý năm 1980. Năm 1987 gia đình bà L sử dụng để trồng trọt và đến năm 1996 UBND tỉnh quy hoạch khu tự xây Trạm điện E52 phường K thì diện tích đất trên có đường điện đi qua vào hành lang đường điện. Năm 2004 đường điện này tháo dỡ di chuyển đến vị trí khác, gia đình bà L vẫn tiếp tục sử dụng để trồng trọt. Tháng 9/2017, bà L nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở. Diện tích đất trên được sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp và phù hợp quy hoạch nên UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình bà L là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Căn cứ thu tiền sử dụng đất: Diện tích đất của hộ bà L sử dụng từ năm 1987 vào mục đích trồng trọt, không phải là đất ở, khi làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đã đồng thời xin thay đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở thời điểm năm 2017 nên UBND thành phố H xác định bà L phải nộp tiền sử dụng đất là có căn cứ theo Điều 57, 109 Luật Đất đai.

Căn cứ giảm tiền sử dụng đất:

- Đối tượng thuộc diện xét giảm tiền sử dụng đất: Bà Nguyễn Thị L là con liệt sỹ Nguyễn Văn R và được hưởng chế độ thờ cúng liệt sỹ theo giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ ngày 25/10/1994 và Quyết định số 1580/QĐ - LĐTBXH ngày 01/9/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh nên thuộc đối tượng được xem xét giảm tiền sử dụng đất theo điểm b khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai.

- Điều kiện được giảm tiền sử dụng đất:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Quyết định 118-TTg ngày 27/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “2. Việc hỗ trợ người có công với Cách mạng cải thiện nhà ở phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

Phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước;

Căn cứ vào công lao và hoàn cảnh cụ thể của từng người, điều kiện và khả năng của địa phương;

Không hỗ trợ đồng loạt hoặc bình quân cho tất cả các đối tượng”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 2, Quyết định 118-TTg ngày 27/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “a) Người có công với Cách mạng có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt không thể tạo lập được nhà ở mà chưa được thuê nhà của Nhà nước hoặc bị mất nhà do thiên tai, hoả hoạn... thì tùy theo điều kiện của địa phương, hoàn cảnh và công lao của từng người được xét tặng “Nhà tình nghĩa”, được giao đất làm nhà ở, hoặc được mua nhà trả góp”.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Quyết định 23/2017/QĐ-UBND ngày 23/12/2017: “1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tổ chức xét duyệt và ra quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân... ”.

Căn cứ thực tế sử dụng đất của gia đình bà L: Ông Đoàn Công T và bà Nguyễn Thị L khai phá diện tích đất 695,8m² (Năm 1988 được cấp giấy phép xây dựng) tại tổ 19, khu 3, phường K, thành phố H, thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ 37 và được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức công nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 126m² đất ở và 569,8m² đất trồng cây lâu năm 50 năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN: 830154, số vào sổ: H36865 ngày 07/10/2008 của UBND thành phố H. Năm 2008, ông T và bà L đã tách thửa đất thành 08 ô đất (Từ ô 41A đến ô 41H) và chuyển nhượng cho 07 hộ khác từ ô 41B đến 41H, đã được cấp giấy chứng nhận cho từng hộ vào năm 2009. Còn lại ô 41A có diện tích 195m², trong đó 126m² đất ở và 69m² đất trồng cây lâu năm ông T và bà L sử dụng và được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 441045, số vào sổ: H39301 ngày 20/4/2009. Đến năm 2014 hộ ông T đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích nhà đất trên cho anh Phạm Mạnh H và chuyển về ở với con trai là Đoàn Tất T tại phường Y, thành phố H. Ngày 18/01/2019, ông Đoàn Công T được anh Đoàn Tất T và chị Vũ Lan A tặng cho quyền sử dụng đất ở 105m² thuộc ô đất 21 Lô N QH chi tiết khu tự xây và tái định cư phường K, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 012039, số vào sổ CH 01523 ngày 04/2/2013 của UBND thành phố H cấp cho anh Đoàn Tất T và chị Vũ Lan A (ông T được tặng cho đất sau 01 ngày được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ngày 08/4/2019, Hội đồng xét cấp đất làm nhà ở, xét miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng và hộ nghèo của thành phố H đã kết luận hộ bà L không thuộc trường hợp khó khăn không thể tạo lập được nhà ở.

Hộ bà L đã được công nhận hạn mức đất ở 126m² năm 2008 nhưng không có nhu cầu để ở đã chuyển nhượng cho người khác năm 2014 và ông T bà L đi ở cùng con tại phường Y. Ngày 18/01/2019 (ngay sau ngày được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), ông T tiếp tục được tặng cho ô đất diện tích 105m² đất ở nhưng ông T và bà L không có nhu cầu ở và đã tặng cho con ông T. Thời điểm Hội đồng xét miễn giảm tiền sử dụng đất ngày 08/4/2019 ông T đang có đất ở 105m² thuộc ô đất 21 Lô N QH chi tiết khu tự xây và tái định cư phường K, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 012039, số vào sổ CH 01523 ngày 04/2/2013 nên có cơ sở xác định thực tế ông T, bà L không có khó khăn về việc tạo lập chỗ ở. Tại phiên toà, ông Đoàn Công T cũng cho rằng điều kiện của ông bà không thuộc hoàn cảnh khó khăn tạo dựng được nhà ở nhưng vì chính sách gia đình ông được hưởng nên bà L khởi kiện đề đòi chính sách theo quy định, nên việc không chấp nhận việc xin giảm tiền sử dụng đất cho ông T và bà L là có căn cứ.

Về nội dung: Từ những căn cứ như trên, UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 227845, số vào sổ CH 28187 ngày 17/01/2019 cho ông T, bà L diện tích 205,9m² và ghi nợ 339.735.000đ tiền sử dụng đất (Khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất hộ bà L có đơn cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính và có đơn xin nợ tiền sử dụng đất) là đúng quy định; Nội dung giải quyết khiếu nại việc không được miễn giảm tiền sử dụng đất tại Quyết định số 6875/QĐ - UBND ngày 27/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2561/QĐ - UBND ngày 27/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đều có nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đoàn Công T và bà Nguyễn Thị L là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2561/QĐ - UBND ngày 27/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Luật Khiếu nại.

Quan điểm của người khởi kiện đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là phù hợp và có căn cứ theo quy định.

Từ phân tích trên có đủ cơ sở kết luận Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2561/QĐ - UBND ngày 27/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh phù hợp với pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[3] Về án phí sơ thẩm: Người khởi kiện là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên đủ điều kiện miễn án phí sơ thẩm cho người khởi kiện.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 193, 194 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2561/QĐ - UBND ngày 27/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, trú tại tổ 19B, khu 3, phường K, thành phố H (Lần hai).

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L được miễn tiền án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- NBVQVLIHP;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tạ Duy Ước